TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 3 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Ông Thạch Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Thạch Thị Som A, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

Ông Thạch Oanh N, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn là bà Thạch Thị Som A khai như sau: Vào năm 1998, bà có xác lập quan hệ hôn nhân với Thạch Oanh N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch Sô Oanh N1, sinh năm 1999 và

Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 2005 đã trưởng thành. Nguyên nhân xin ly hôn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cự cải chuyện trong gia đình, ông Oanh N không lo làm, thường xuyên ăn nhậu và chơi cờ bạc. Bà có nhiều lần khuyên bảo nhưng ông N vẫn không thay đổi, vợ chồng không còn quan tâm tin tưởng nhau nên chung sống không có hạnh phúc. Bà và ông Oanh N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau vợ chồng cũng không còn quan tâm, mạnh ai người nấy sống. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với Thạch Oanh N.

Về con chung: Con chung tên Thạch Sô Oanh N1, sinh năm 1999 và Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Thạch Oanh N là bị đơn vắng mặt: Ông Thạch Oanh N không có ý kiến trả lời bằng văn bản. Mặc dù, ông Thạch Oanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Som A và ông Oanh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà Som A và ông Oanh N bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không thể hàn gắn vì hai bên không thể hòa giải. Việc này Tòa án cũng đã xác minh nguyên nhân mẫu thuẫn đối với người thân của bà Som A và ông Oanh N cũng xác nhận cả hai sống không hạnh phúc. Nay bà Som A kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Oanh N, còn ông Oanh N mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Oanh N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Som A; cho bà S A được ly hôn với ông Oanh N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Bà Som A và ông Oanh N có hai con chung tên Thạch Sô Oanh N1, sinh năm 1999 và Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 2005 đều đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà Som A không yêu cầu; về nợ chung bà Som A khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Som A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Thạch Thị Som A, lời trình bày của đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là ông Thạch Oanh N có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Som A là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Oanh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Som A và ông Oanh N chung sống với nhau năm 1998 và có đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết Tòa án xác minh đối với người thân hai bên gia đình bà Som A và ông Oanh N được biết: Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng có mẫu thuẫn cự cải nhau, không còn quan tâm nhau, hiện mạnh ai người ấy sống. Mặc dù, gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng nên hàng gắn lại với nhau nhưng không có kết quả. Đồng thời, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông O Na đến Tòa án để hòa giải, để động viên bà Som A và ông Oanh N khắc phục mâu thuẫn và cùng đoàn tụ lại với nhau nhưng ông Oanh N vẫn vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử và cũng không có ý kiến thể hiện bằng văn bản; điều này cho thấy ông Oanh N không quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình và cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Som A và ông Oanh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Som A là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Som A và ông Oanh N có hai con chung tên Thạch Sô Oanh N1, sinh năm 1999 và Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 2005. Xét thấy con bà Som A và ông Oanh N đều đã đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà Som A không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà Som A khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Som A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Som A.

Về hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Som A được ly hôn với ông Thạch Oanh N.

Về con chung: Các con chung tên Thạch Sô Oanh N1, sinh năm 1999 và Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Som A không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị Som A khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Thạch Thị Som A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008717 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục T án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà Thạch Thị Som A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Som Annh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai